

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2017/DS-PT

Ngày: 06-9-2017

V/v tranh chấp ranh giới quyền sử
dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Tuấn Khải

Ông Trần Tấn Quốc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 83/2017/TLPT-DS ngày 24/5/2017 về việc “Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 27/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 139/2017/QĐ-PT ngày 07 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị N, sinh năm 1960;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Lê Phụng Thúy K, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ cư trú: Hẻm 6, Khu phố 1, đường V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 12/11/2015).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1930;

Địa chỉ cư trú: Hẻm 6, Khu phố 1, đường V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Lê Phụng Thúy K, sinh năm 1985;

2. Bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1930;

Cùng địa chỉ cư trú: Hẻm 6, Khu phố 1, đường V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

3. Ông Lê Hồng T, sinh năm 1963;

4. Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1971;

5. Anh Lê Tấn P, sinh năm 1991;

6. Anh Lê Tấn P1, sinh năm 1993;

Người đại diện hợp pháp của bà T1, anh P, anh P1: Ông Lê Hồng T, sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ cư trú: Hẻm 6, Khu phố 1, đường V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 17/12/2015).

7. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1954;

8. Ông Mai Hoàng T2, sinh năm 1956;

9. Chị Mai Thị Kim N2, sinh năm 1986;

10. Chị Mai Hoàng Thu N3, sinh năm 1989;

11. Anh Mai Hoàng N4, sinh năm 1996;

Cùng địa chỉ cư trú: Hẻm 6, Khu phố 1, đường V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị B - Bị đơn

(bà N và chị K có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện của bà Lê Thị N và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền là chị Lê Phụng Thúy K thể hiện:

Nguồn gốc thửa đất mà bà N đang tranh chấp với bà B là do bà N mua của bà P trước năm 1984. Năm 2004, bà N đi đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 8, tờ bản đồ số 18, diện tích 272,8m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 316706 ngày 26/5/2008. Năm 2008, bà N có làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Lê Hồng T với diện tích 103m², diện tích đất còn lại của bà N là 169,8m². Khi bà N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tiến hành đo đạc và có ký giáp ranh với các hộ liền kề. Lúc đó, bà B có ký tên vào biên bản ký giáp ranh.

Giáp ranh với thửa đất của bà N là thửa đất số 7, tờ bản đồ số 18, diện tích 196,4m² do bà Nguyễn Thị B đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước đây, bên bà N có một cái mương và bên bà B cũng có một cái mương, ở giữa là một cái bờ. Cái mương bên bà N đã lấp lại cách đây 25 năm, khi đó bà Huỳnh Thị G là mẹ của bà N cất nhà và làm chuồng nuôi gà trên cái bờ hiện nay là phần đất mà hai bên đang tranh chấp. Đến năm 2014, bà N tháo dỡ chuồng gà định

xây hàng rào trên phần đất của mình, nhưng phía bà B ngăn cản không cho làm nên bà N mới làm hàng rào cây và giăng lưới ngăn không cho gà bay qua nhà bà B. Sự việc sau đó được Ủy ban nhân dân thị trấn B hòa giải nhưng kết quả không thành. Cái mương bên bà B cũng không còn do bà B đã dùng mây tấm tole (tôn) lấp lại.

Nay bà N khởi kiện yêu cầu bà B trả lại diện tích đất 10,2m² (thuộc khu D) trên mảnh Trích đo bản đồ địa chính do Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng P đo vẽ ngày 30/01/2016, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B phê duyệt ngày 01/4/2016.

Bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Nguồn gốc thửa đất của bà là do bà nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị N trước năm 1975. Đến năm 1998, bà đi đăng ký, kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 7, tờ bản đồ số 18 diện tích 196,4m². Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B có đo đạc và ký giáp ranh với các hộ liền kề, trong đó có hộ của bà Lê Thị N. Trước đây, bên bà N có một mương và bên bà cũng có một cái mương, giữa hai cái mương là một cái bờ, trên bờ này bà N có trồng một số cây như cây dừa, bình bát,... Hiện nay chỉ còn một gốc dừa, các cây còn lại do phía bà N đã chặt bỏ. Phía bà N yêu cầu bà trả lại diện tích 10,2m² thì bà không đồng ý đồng thời yêu cầu bà N xây hàng rào từ gốc dừa kéo thẳng sát vách là nhà bà Gia lên bờ đận và từ gốc dừa kéo thẳng xuống chuồng gà, chuồng gà hiện nay bà N đã tháo dỡ, nhưng được xác định là ngay vạch sơn mà bà B đã xác định. Phần đất mà hai bên đang tranh chấp từ trước tới nay bà không sử dụng. Tuy nhiên, phía bên bà N sử dụng phần đất này để nuôi gà, lúc đó bà cũng có ý kiến nhưng vì là hàng xóm nên bà để bà N tiếp tục nuôi gà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Hồng T trình bày:

Năm 2008, ông được bà N tặng cho 103m² trong tổng diện tích 272,8m² tại thửa đất số 8, tờ bản đồ số 18. Đến ngày 26/5/2008, ông được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng tại thửa 106 tờ bản đồ số 18. Theo mảnh Trích đo bản đồ địa chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng P được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B phê duyệt ngày 01/4/2016, thì diện tích đất thực tế của ông ít hơn so với trên giấy chứng nhận, nhưng ông đồng ý không có tranh chấp với ai. Đối với tranh chấp giữa bà N và bà B ông chỉ có ý kiến là yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết để phía bà N được xây hàng rào trên phần đất của mình.

Bà Huỳnh Thị G trình bày:

Bà là mẹ của bà Lê Thị N, trước đây trên phần đất bà N có một cái mương, khoảng 25 năm trước, khi về đây sinh sống, bà đã lấp cái mương trên và cất nhà lá tạm ở và xây chuồng nuôi gà cho đến nay. Mỗi khi nhà hư, bà tháo dỡ và xây mới, không có lần qua đất của bà B. Ranh giới từ trước tới nay giữa thửa đất của bà N và bà B là ngay vạch sơn ở bờ đận (do phía bà N xác định) kéo thẳng đến gốc cây

dừa và từ gốc dừa kéo thẳng xuống vạch sơn ở cuối thửa đất (do bà N xác định). Trước đây gia đình bà sử dụng phần đất này để nuôi gà. Đến năm 2014, bà N dự định tháo chuồng gà để xây hàng rào khác, nhưng phía bà B ngăn cản. Nay bà chỉ mong Tòa án giải quyết cho phía bà N được xây hàng rào trên phần đất của mình. Ngoài ra, bà Gia còn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án vì đã lớn tuổi và sức khỏe yếu.

Anh Mai Hoàng N4 trình bày:

Anh là con của bà Nguyễn Thị N và ông Mai Hoàng T2. Gia đình anh gồm có ông Thu, bà Na và hai người chị là Mai Hoàng Thu N3 và Mai Thị Kim N1 đã sống chung với bà B khoảng 30 năm. Trước đây, bên bà B có một cái mương và bên bà N cũng có cái mương, giữa hai cái mương là một cái bờ. Cái bờ này được xác định là ranh giới giữa các bên, trước đây phía bà N có trồng một số cây như dừa, bình bát nhưng hiện nay chỉ còn một gốc dừa. Cái mương bên phía bà B và bà N không còn do bị lấp. Trước yêu cầu khởi kiện của bà N đối với bà B anh không đồng ý, vì cái bờ là bên đất của bà B, mặc dù phía bà B không sử dụng cái bờ này, còn phía bà N sử dụng cái bờ này để nuôi gà. Sở dĩ diện tích đất của bà B khi Tòa án đo đạc lại thửa so với trên giấy là do khi Ủy ban cấp giấy đo đạc không đúng hiện trạng, nhưng từ đó cho đến nay phía bà B không khiếu nại gì.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 27/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện B đã căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 100, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 175 Bộ luật Dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thị B phải có trách nhiệm giao trả lại cho bà Lê Thị N diện tích đất 10,2m² thuộc một phần thửa số 8 tờ bản đồ số 18 tọa lạc tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An được thể hiện tại khu D trên mảnh trích đo địa chính số 70-2016 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng P đo vẽ ngày 30/01/2016 và được Văn phòng đăng ký đất đai huyện B duyệt ngày 01/4/2016 có vị trí tiếp giáp:

- Đông giáp lối đi công cộng;
- Tây giáp thửa số 9, 12;
- Nam giáp thửa 13, 132;
- Bắc giáp lối đi công cộng.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan quản lý nhà nước về đất đai để đăng ký, kê khai, điều chỉnh lại diện tích thuộc quyền sử dụng đất của mình theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ, về quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 10/4/2017, bà Nguyễn Thị B kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm đã quyết định buộc bà phải trả lại đất cho bà Lê Thị N và buộc bà phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- *Tại đơn kháng cáo ngày 10/4/2017, bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:* Bà không đồng ý với bản án sơ thẩm đã quyết định buộc bà phải trả lại đất cho bà Lê Thị N và buộc bà phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bản án của Tòa sơ thẩm là chưa khách quan, không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của bà vì: sổ đỏ của bà là do Nhà nước cấp, từ thời sổ đỏ không có bản vẽ đến khi cấp có bản vẽ thì bà chưa một lần nào đổi sổ hay tách thửa cho người khác; tại phiên tòa sơ thẩm chỉ dựa vào sơ đồ bản vẽ là không khách quan; một số ý kiến của bà tại phiên tòa sơ thẩm đều bị bác bỏ không quan tâm đến; chứng cứ tại phiên tòa là chưa đầy đủ và không đủ sự thuyết phục. Đề nghị Tòa án xem xét lại theo hướng khách quan hơn.

- *Nguyên đơn bà Lê Thị N do chị Lê Phụng Thúy K đại diện trình bày:* Ranh giữa đất bà N và bà B là một cái bờ, cái bờ là đất của bà N rồi đến cái mương là của bà B. Trên cái bờ có một phần nhà của bà Gia, chuồng gà của bà N và hàng rào bằng cây của bà N, từ trước đến nay do bà N sử dụng, bà B không có sử dụng. Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N và bà B thì bà N và bà B đều có ký giáp ranh. Nay bà B xác định ranh đến gốc dừa của bà N trông là thiếu đất của bà N còn đất của bà B thì thừa. Bà không đồng ý với nội dung kháng cáo của bà B, vì phần đất khu D theo mảnh Trích đo bản đồ địa chính số 70-2016 là của bà N, bà N đã sử dụng mấy chục năm nay nhưng bà B không có ý kiến gì, đến khi bà N định xây hàng rào kiên cố thì bà B mới ngăn cản.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của bị đơn được làm trong thời hạn luật quy định đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm. Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và kiểm sát việc xét xử tại phiên tòa phúc thẩm thấy rằng: Các đương sự thống nhất về nguồn gốc đất tranh chấp, các bên đều có ký giáp ranh nhưng khi đo đạc thực tế thì đất bà N thiếu, đất của bà B thừa. Cơ quan có thẩm quyền xác định phần đất tranh chấp là khu D thuộc thửa số 8. Bà B, anh Ngân cũng thừa nhận phần đất tranh chấp bà B không có sử dụng mà do bà Gia và bà N sử

dụng. Do đó, đơn kháng cáo của bà B là không có căn cứ chấp nhận, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại biên bản xác minh ngày 25/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, bà B có đề nghị xét xử vắng mặt vì đã lớn tuổi, không đến tham dự phiên tòa được; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị G, ông Lê Hồng T đại diện cho bà Phạm Thị T1, anh Lê Tấn P và anh Lê Tấn P1 xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị B:

Nguồn gốc của thửa đất số 8, tờ bản đồ số 18, diện tích 272,8m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 043841 ngày 28/12/2004 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho bà Lê Thị N là do mua của bà Huỳnh Thị P. Năm 2008, bà N có làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông T phần đất có diện tích 103m² nên đất của bà N còn lại diện tích 169,8m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 316706 ngày 26/5/2008; nguồn gốc thửa đất số 7, tờ bản đồ số 18, diện tích 196,4 m², loại đất thổ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 214322 ngày 22/8/2001 do Ủy ban nhân dân tỉnh Long An cấp cho bà Nguyễn Thị B là do bà B mua của bà Nguyễn Thị N.

Đất tranh chấp giữa bà N và bà B là phần giáp ranh giữa hai thửa số 8 và thửa số 7 được xác định tại khu D trên mảnh Trích đo địa chính số 70-2016 do Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng P đo vẽ ngày 30/01/2016 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B duyệt ngày 01/4/2016.

Các đương sự trình bày thống nhất: quá trình cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có đo đạc và có ký giáp ranh với các hộ liền kề. Theo mảnh trích đo bản đồ địa chính thì diện tích đất thực tế tại thửa đất số 8 của bà N sử dụng là 153m² so với diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 169,8m² thiếu 16,8m²; diện tích đất thực tế thửa số 7 của bà B sử dụng là 208,8m² so với diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 196,4m² thừa 12,4m²; Diện tích thực tế ông T sử dụng là 101,8m² so với diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 103m² thiếu 1,2m². Như vậy, so với diện tích đất 272,8m² của bà N theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp năm 2004 thì thiếu 18m². Tại Công văn số 889/UBND-VP ngày 01/7/2016 của Ủy ban nhân dân huyện B thể hiện phần đất tranh chấp có diện tích 10,2m² thuộc khu D trên mảnh trích đo được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B phê duyệt ngày 01/4/2016 theo ranh bản đồ thuộc thửa số 8.

Ủy ban nhân dân huyện B cung cấp cho Tòa án: Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của bà N ngày 06/11/2004 đối với thửa số 8, tờ bản đồ số 18 với diện tích 272,8m²; Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 05/11/2004 có ký giáp ranh của bà B; Hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 25/11/1996 có thể hiện kích thước các cạnh của thửa đất số 8 với diện tích 272,8m² thể hiện cạnh phía Nam của thửa đất có chiều dài 21,89m trong khi đo đạc thực tế thì cạnh này có chiều dài 20,35m (tính luôn chiều ngang của khu D-đất tranh chấp); Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà B ngày 14/5/1998, xin cấp giấy thửa số 7, tờ bản đồ số 18 với diện tích 196,4m²; Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 21/8/1995 có ký giáp ranh của bà B và bà N; Hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 25/11/1996, có thể hiện kích thước các cạnh của thửa đất số 7 với diện tích 196,4m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà B ngày 22/8/2001 đều thể hiện cạnh phía Nam của thửa đất có chiều dài 11,35m trong khi đo đạc thực tế thì cạnh này có chiều dài 13,1m.

Mặt khác, tại biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 27/3/2017, chị K và bà B đều khai thống nhất, trước đây bên đất của bà N có một cái nương và bên đất của bà B cũng có một cái nương, ở giữa là cái bờ là ranh. Bà B cũng thừa nhận cái bờ là của bên bà N, gốc dừa của bà N trồng, bà B không có sử dụng phần đất tranh chấp. Anh N4 trình bày gia đình anh đã chung sống cùng nhà với bà B gần 30 năm, khi bà N làm nhà lá, làm hàng rào, trồng dừa, trồng cây khác thì bà B không có ý kiến gì.

Tại vị trí đất tranh chấp, trước đây bên bà N có làm hàng rào cây, bà B không có ý kiến gì. Đến khi bà N tháo dỡ hàng rào cây để xây hàng rào thì bà B ngăn cản và xảy ra tranh chấp.

Từ những tài liệu và chứng cứ trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc bà Nguyễn Thị B phải có trách nhiệm giao diện tích đất 10,2m² thuộc một phần thửa số 8 cho bà N sử dụng là có căn cứ. Vì vậy, kháng cáo của bà Nguyễn Thị B về phần này là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là đúng nhưng sau đó có Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 13/2017/TB-TA ngày 07/4/2017 sửa chữa bổ sung “Về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được miễn nộp” là không đúng theo quy định tại Điều 268 Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, bà B cũng không có đơn đề nghị miễn án phí theo quy định tại Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, tại biên bản xác minh ngày 25/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, bà B có yêu cầu được miễn án phí và xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Xét thấy bà B là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điều 15, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chấp nhận một phần kháng cáo của bà B, sửa án sơ thẩm về phần án phí.

[4] Ngoài ra, quyết định của bản án sơ thẩm tuyên về vị trí tiếp giáp của phần đất tranh chấp (khu D) là chưa chính xác, cần sửa phần này. Theo đó, việc tuyên vị trí tiếp giáp của khu D là không cần thiết vì khu D đã được xác định rõ ràng về kích thước các cạnh và vị trí tiếp giáp tại mảnh Trích đo địa chính số 70-2016 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng P đo vẽ ngày 30/01/2016 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B duyệt ngày 01/4/2016.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là bà B không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị B.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 27/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện B.

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 175 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thị B phải có trách nhiệm giao trả lại cho bà Lê Thị N diện tích đất 10,2m² thuộc một phần thửa số 8, tờ bản đồ số 18, tọa lạc thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An được thể hiện tại khu D trên mảnh Trích đo bản đồ địa chính số 70-2016 do Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng P đo vẽ ngày 30/01/2016 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B duyệt ngày 01/4/2016 (đính kèm).

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan quản lý nhà nước về đất đai để đăng ký, kê khai, điều chỉnh lại diện tích thuộc quyền sử dụng đất của mình theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Lê Thị N số tiền 1.122.000 (một triệu một trăm hai mươi hai nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo biên lai thu số 03221 ngày 27/5/2016 và biên lai thu số 02652 ngày 19/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

3. Về chi phí tố tụng (định giá, đo đạc và xem xét, thẩm định tại chỗ): tổng cộng là 4.050.000 đồng, chị Lê Phụng Thúy K tự nguyện chịu và đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND CC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu

